KTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2025
"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Bà Nguyễn Thị Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Mạc T.L, sinh năm 1985; Nơi ĐKNKTT: Tổ 03, thôn P, xã H, huyện H1, TP Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã H 2, huyện H1, TP Đà Nẵng. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Ông Lê Viết D, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 03, thôn P, xã H, huyện H1, TP Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đề ngày 25/11/2024, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn bà Mạc T.L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mạc T.L và ông Lê Viết D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam *(số 134 ngày 15/9/2010)*. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; Sau khi kết hôn bà L và ông D sống tại thôn P, xã H, huyện H1, TP Đà Nẵng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên

nhủ nhưng không có kết quả. Bà L và ông D sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Về tình cảm, bà L cho rằng không còn tình cảm gì với ông D nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Viết D.

- *Về con chung:* Bà Mạc T.L xác định có 02 con chung là Lê T.T.T, sinh ngày 12/4/2011 và L V H L, sinh ngày 08/11/2013. Ly hôn bà L xin được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Mạc T.L xác nhận không có.

** Đối với bị đơn ông Lê Viết D:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông D để biết việc bà Mạc T.L gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án viết bản khai và tham gia hòa giải.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho bà Mạc T.L được ly hôn với ông Lê Viết D.

+ *Về quan hệ con chung:* Giao 02 con chung là Lê T.T.T, sinh ngày 12/4/2011 và L V H L, sinh ngày 08/11/2013 cho bà Mạc T.L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Viết D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Mạc T.L xác nhận không có nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Mạc T.L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Bị đơn ông Lê Viết D có nơi cư trú tại thôn P, xã H, huyện H1, TP Đà Nẵng nên tranh chấp ly hôn giữa bà Mạc T.L và ông Lê Viết D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa, tuy nhiên bị đơn ông Lê Viết D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. **Về nội dung vụ án:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mạc T.L và ông Lê Viết D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam *(số 134 ngày 15/9/2010)*. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Xét đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống do có mâu thuẫn không tự giải quyết được nên bà L làm đơn xin ly hôn với ông Lê Viết D.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà Mạc T.L và ông Lê Viết D được đoàn tụ cùng xây Dng hạnh phúc gia đình nhưng ông D vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ ông D không có thiện chí níu kéo, hòa giải và mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Theo nội dung biên bản xác minh ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thì hiện nay bị đơn ông Lê Viết D đang sinh sống tại thôn P, xã H, huyện H1, TP Đà Nẵng. Trong quá trình sinh sống chỉ có xảy ra cãi vả trong gia đình vì bất đồng quan điểm sống, không xảy ra đánh đập, không gây ồn ào mất trật tự tại địa phương.

Tại phiên tòa, bà L xác nhận giữa bà và ông D sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, hiện nay không còn tình cảm gì, kiên quyết được ly hôn với ông D. Từ những phân tích và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn của bà L và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà Mạc T.L được ly hôn với ông Lê Viết D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà Mạc T.L xác nhận có 02 con chung là Lê T.T.T, sinh ngày 12/4/2011 và L V H L, sinh ngày 08/11/2013. Ly hôn bà L xin được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi bà Mạc T.L và ông Lê Viết D sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay, các con chung là Lê T.T.T và L V H L được bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao các con chung cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông Lê Viết D cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Mạc T.L xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mạc T.L phải chịu là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

- Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Mạc T.L về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Lê Viết D, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mạc T.L được ly hôn với ông Lê Viết D.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Lê T.T.T, sinh ngày 12/4/2011 và L V H L, sinh ngày 08/11/2013 cho bà Mạc T.L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Viết D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3 . Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mạc T.L phải chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000xxx ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Mạc T.L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Viết D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *UBND thị trấn A;*
(số ĐKKH:XXX ngày 15/9/2010);
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Loan